

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST

Ngày: 25-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Minh Thọ;

- Ông Phạm Quang Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân T phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, tên thường gọi khác: **B**; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1993; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ sơn nước; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Mỹ H; vợ, con, chưa có; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 01/2018/ HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; nhân thân: Ngày 22/09/2011, bị Công an phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác*”; Bị bắt ngày 09/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an thành phố Đ. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn B. (Vắng mặt)

2. Chị Trương Ngọc Thuỳ D. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T là phạm nhân đang chấp hành hình phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” kể từ ngày 07/11/2017 của Bản án số 01/2018/HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chấp hành án, ngày 30/03/2018, T được đưa ra làm phạm nhân tự giác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng, toạ lạc tại phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tháng 08/2018, T biết được phạm nhân Trương Trung N là người ở cùng buồng giam với T có sử dụng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung cảm ứng màu đen, có gắn sim số 01655205803 nên T mua lại của Nghĩa với giá 1.500.000 đồng. Sau khi mua được điện thoại từ N, T cất giấu, lén lút sử dụng và truy cập mạng xã hội, T biết được bà ngoại của T đang bị bệnh nặng. Ngày 02/11/2018, T bị phát hiện và lập biên bản về việc sử dụng điện thoại. T lo sợ bị kỷ luật, chuyển sang trại giam khác sẽ không gặp được bà ngoại nên T nảy sinh ý định trốn khỏi trại giam. Thực hiện ý định, khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 07/11/2018, sau khi được cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng là anh Phạm Văn B trích xuất T cùng một số phạm nhân khác để đi chia nước cho các buồng giam, T quay về thay đồ bị ướt do trời mưa. T mặc quần nỉ màu xám bên trong, bên ngoài mặc quần phạm nhân, mặc một áo pull màu trắng đen và áo khoác màu xanh, bên ngoài mặc thêm một áo mưa màu xanh rêu rồi lén dụng lúc trời mưa to, cán bộ quản giáo không để ý, T lén ra khu vực tường trái phía sau của Trại tạm giam (khu chuồng bò), T thấy cửa ra vào không khóa nên mở cửa, đi lên lối mòn phía trên đồi bỏ trốn. Khi ra đến ngã ba khu vực TM, T nhờ một người dân gọi giúp 01 chiếc taxi, sau đó T đi xe taxi đến khu N rồi mượn điện thoại của tài xế taxi gọi cho bà Lê Thị Mỹ L (là dì ruột của T) ra đón T. Khoảng 15 phút sau, bà L đến đón T và chở T về nhà bà ngoại ở đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này, người nhà đã khuyên T quay trở lại Trại tạm giam thì T đồng ý và hứa sẽ tự xuống lại trại. Sau đó, T về nhà của T thay quần áo và bỏ ra ngoài. T đi đến đường B, phường B, thành phố Đ vào tiệm internet truy cập mạng xã hội nhắn tin nhờ một số người bạn giúp đỡ thì được Trương Ngọc Thùy D đồng ý giúp. Sau đó, D đến đón T đi uống cà phê rồi giúp T thuê phòng ở khách sạn K ở đường B, phường C, thành phố Đ để ở. Từ ngày 07/11/2018 đến ngày 08/11/2018, T chỉ ở trong khách sạn còn D ra ngoài mua thức ăn. D đã nhiều lần khuyên T ra đầu thú nhưng T không nghe theo. Đến sáng ngày 09/11/2018, T và D đi bộ ra đường N, phường A, thành phố Đ ăn sáng thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ:

- Quần áo do Nguyễn Hữu T để lại buồng giam lúc trốn trại gồm: 01 áo sọc trắng xanh; 02 áo khoác dài tay màu đen và màu trắng xám; 01 áo len dài tay, cổ trái tim màu trắng xanh, sọc ngang; 02 áo thun ngắn tay màu trắng đen và sọc trắng xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 quần sọc dài trắng, xanh; 01 quần đùi caro màu xám đen.

- Quần áo do Nguyễn Hữu T mặc lúc trốn trại và để tại nhà của T: 01 quần nỉ màu xám; 01 áo khoác màu xanh rêu.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn B, cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng là người được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác phạm nhân Nguyễn Hữu T, do thiếu cảnh giác trong ca trực nên để T trốn khỏi nơi giam giữ. Hành vi của Phạm Văn B có dấu hiệu cấu T tội “Thiếu trách nhiệm để người đang chấp hành án phạt tù trốn” quy định tại khoản 2 Điều 376 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tội phạm này thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã báo cáo theo quy định.

Đối với Trương Ngọc Thủy D là người đã giúp đỡ T tìm khách sạn ở và giúp đỡ T trong thời gian T trốn. Tuy nhiên, hành vi của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự nên không có cơ sở xử lý hình sự.

Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 01/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận ngày 07/11/2018, lợi dụng lúc trời mưa to, cán bộ quản giáo không để ý, bị cáo đã lén ra khu vực phía sau Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng, thấy cửa sau không khoá nên bị cáo đã mở cửa trốn ra ngoài rồi về nhà thăm bà ngoại ốm. Khi được gia đình động viên bị cáo quay về trại thì bị cáo có hứa với gia đình và sau đó ra ngoài nhờ Dương Ngọc Thủy D tìm và thuê khách sạn để ở. D cũng có khuyên bị cáo quay về trại nhưng bị cáo sợ nên chưa đi. Đến sáng ngày 09/11/2018 thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi cụ thể của bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội và tranh luận đối với bị cáo: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Nguyễn Hữu T đã lợi dụng lúc trời mưa to, sự sơ hở, thiếu cảnh giác của cán bộ quản giáo để thực hiện hành vi bỏ trốn khỏi trại tạm giam từ ngày 07 đến ngày 09/11/2018 thì bị bắt. Hành vi của bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 15 - 18 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 01/2018/ HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian chấp hành án phạt tù của Bản án số 01/2018/HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng, ngày 07/11/2018 bị cáo Nguyễn Hữu T lợi dụng lúc trời mưa to và sơ hở trong việc quản lý của cán bộ quản giáo, đã thực hiện hành vi bỏ trốn khỏi trại tạm giam đến sáng ngày 09/11/2018 thì bị phát hiện, bắt giữ. Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam”, tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự đúng đắn của hoạt động tư pháp mà cụ thể là hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự. Việc bị cáo bị phát hiện, bắt giữ là ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi bỏ trốn khỏi nơi giam của mình sẽ gây trở ngại cho hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý các phạm nhân đang chấp hành án nên phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo T khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Tại bản án số 01/2018/HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù kể từ ngày 07/11/2017. Bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trên đến ngày 07/11/2018 là được 01 (một) năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với phần hình phạt 04 (bốn) năm tù chưa chấp hành của bản án 01/2018/HSST ngày 16/01/2018, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy số quần áo mà cơ quan điều tra thu giữ là trang phục cá nhân của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Hữu T 01 (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm tù chưa chấp hành của bản án 01/2018/HSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T 01 áo sọc trắng xanh; 01 quần sọc dài trắng, xanh; 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 áo len dài tay, cổ trái tim màu trắng xanh, sọc ngang; 01 quần đùi caro màu xám đen; 01 áo thun ngắn tay màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 áo thun ngắn tay, cổ trái tim, sọc trắng xanh; 01 áo khoác nỉ dài tay màu, trắng xám; 01 quần nỉ màu xám; 01 áo khoác màu xanh rêu. (Có đặc điểm mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên